TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN NINH KIỀU** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 119/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 05/12/2022
V/v "*Tranh chấp ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NINH KIỀU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Lai Ngọc Trí**

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà **Trần Thị Dung**

2. Bà **Đỗ Thị Lệ Hằng**

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà **Trần Thùy Mỵ**- Thư ký Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Trong ngày 05 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 641/2022/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2022 về *"Tranh chấp ly hôn, nuôi con"*. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 946/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Trần Châu Tố Nh**, sinh năm 1994

Nơi đăng ký thường trú: ấp ..., xã ..., huyện ..., tỉnh Kiên Giang.

Địa chỉ liên lạc: Số …, đường …, phường …, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ. (có mặt)

2. Bị đơn: Ông **Trần Hoàng H**, sinh năm 1990

Địa chỉ: xã …, huyện …, tỉnh Vĩnh Long.

Địa chỉ liên lạc: Số …, đường …, phường …, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 06/10/2022 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Châu Tố Nh trình bày và yêu cầu: Bà và ông Trần Hoàng H tự nguyện tìm hiểu tiến tới hôn nhân năm 2015, hai bên có tổ chức lễ cưới và tiến hành đăng ký kết hôn tại UBND xã …, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang ngày 30/10/2015. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 05 năm đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn kéo dài đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là do giữa vợ chồng bất đồng quan

điểm nên thường xuyên cự cãi. Mặc dù cả hai đã nhiều lần cố gắng bỏ qua mâu thuẫn để hàn gắn tình cảm nhưng không thành và đã ly thân khoảng tháng 3/2020 đến nay. Vì vậy, bà yêu cầu được ly hôn với ông Trần Hoàng H.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống bà và ông H có 01 con chung là Trần Hoàng Thiên L (giới tính: nam) sinh ngày 26/3/2018 hiện đang ở với bà ngoại ở Gò Quao, Kiên Giang, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu L sau khi ly hôn và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn ông Trần Hoàng H trình bày*: Thống nhất về quan hệ hôn nhân, con chung, nợ chung và tài sản chung. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 05 năm đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn kéo dài đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là do thất bại trong làm ăn nên giữa vợ chồng bất đồng quan điểm nên thường xuyên cự cãi. Mặc dù cả hai đã nhiều lần cố gắng bỏ qua mâu thuẫn để hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Vợ chồng ông cũng đã ly thân từ khoảng tháng 3/2020 đến nay. Hiện tại tình cảm cũng không còn nên ông đồng ý với yêu cầu xin ly hôn của bà Như.

Về con chung: Quá trình chung sống có 01 con chung là Trần Hoàng Thiên L (nam) sinh ngày 26/3/2018 hiện đang ở với bà ngoại ở Gò Quao, Kiên Giang. Hiện tại ông là Công an, thu nhập mỗi tháng 12.000.000 đồng đủ khả năng về kinh tế để nuôi con. Vì vậy, ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn và không yêu cầu bà Nhcấp dưỡng nuôi con.

- Tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, các đương sự vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu. Bà Nh trình bày trong trường hợp Tòa án giao con cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng thì bà cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi cháu L tròn 18 tuổi. Ông H trình bày trong trường hợp Tòa án giao con cho bà Nhtrực tiếp nuôi dưỡng thì ông cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu L tròn 18 tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật*: Căn cứ theo đơn khởi kiện của nguyên đơn cùng với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ kiện thể hiện nguyên đơn yêu cầu xin ly hôn với bị đơn, yêu cầu nuôi con chung nên xác định đây là quan hệ ly hôn, tranh chấp nuôi

con và bị đơn có địa chỉ tại quận Ninh Kiều nên tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân quận Ninh Kiều theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Trần Châu Tố Nh và ông Trần Hoàng H kết hôn với nhau vào năm 2015, trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn kéo dài, nguyên nhân là do giữa vợ chồng bất đồng quan điểm nên tình cảm rạn nứt không thể hàn gắn. Vì vậy bà yêu cầu xin ly hôn với ông H.

Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Nh và ông H thật sự trầm trọng, sau khi xảy ra mâu thuẫn thì cả hai đã nhiều lần hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không thành, giữa bà Nhvà ông H cũng đã ly thân hơn hai năm nay, hơn nữa trong thời gian ly thân cả hai cũng không có giải pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng. Trong quá trình giải quyết vụ án Toà án đã hoà giải, động viên hai bên đoàn tụ, hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không thành, ông H cũng không có biện pháp để giải quyết mâu thuẫn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tại phiên tòa ông H cũng đồng ý với yêu cầu xin ly hôn của bà Như. Vì vậy, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện ly hôn của đương sự.

[3] *Về con chung*: Bà Nh và ông H đều yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu L sau khi ly hôn và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, việc yêu cầu nuôi con của bà Nh và ông H là hoàn toàn chính đáng, tuy nhiên việc giao cháu L cho ai nuôi cần phải xem xét điều kiện để đảm bảo quyền lợi tốt nhất cho cháu. Tại phiên tòa bà Nh và ông H thống nhất từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay thì cháu L ở với bà ngoại ở huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang và do bà ngoại trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, hàng tuần bà Nh và ông H có về thăm con. Như vậy, thời gian để ông H và bà Nh trực tiếp chăm sóc cháu L không nhiều.

Trong quá trình làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa bà Nh xác nhận hiện tại bà làm nhân viên tài chính của Công ty tài chính Srisawad, thu nhập trung bình 7.000.000 đồng, chi phí hàng tháng của cháu L đều do bà trực tiếp chi trả nên bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con.

Đối với ông H hiện tại là công an và nguồn thu nhập ổn định hàng khoảng 12.000.000 đồng cũng đủ khả năng kinh tế ổn định để nuôi dưỡng cháu L.

Xét về điều kiện kinh tế để nuôi con cả hai đều có khả năng kinh tế ổn định để nuôi dưỡng con. Tuy nhiên, hiện tại cháu L còn nhỏ và theo sự xác nhận của bị đơn từ lúc sinh đến nay cháu L ở với bà Nh và bà ngoại ở Gò Quao, tỉnh Kiên

Giang. Vì vậy, để tránh sự xáo trộn tâm lý của cháu L khi cha mẹ ly hôn và đảm bảo ổn định trong sinh hoạt nên việc giao cháu L cho bà Nh trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung cho ông Trần Hoàng H theo quy định pháp luật, không ai được quyền ngăn cản.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu L tròn 18 tuổi của ông Trần Hoàng H.

[4] *Về tài sản chung:* Do nguyên đơn và bị đơn cùng thống nhất tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Nếu sau này có tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

[5] *Về nợ chung*: Do nguyên đơn và bị đơn cùng thống nhất xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Nếu sau này có tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

[6] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Căn cứ tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà Nh phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm. Ông H phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 51, Điều 56, Điều 81, khoản 3 Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Châu Tố Như.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Trần Châu Tố Nh và ông Trần Hoàng H.

2. *Về con chung*: Giao cháu Trần Hoàng Thiên L (giới tính: nam), sinh ngày 26/3/2018 cho bà Nh trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Ông Trần Hoàng H cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu L tròn 18 tuổi.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông H theo quy định của pháp luật, không ai được quyền ngăn cản.

3. *Về tài sản chung, nợ chung*: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Nếu sau này có tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

4. *Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Bà Trần Châu Tố Nh phải chịu 300.000 đồng. Chuyển tiền tạm ứng án phí bà Nh đã nộp, theo biên lai thu số 0000141 ngày 13/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự, quận Ninh Kiều thành án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm phải chịu. Bà Nh đã nộp xong án phí. Ông Trần Hoàng H phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

5. *Về quyền kháng cáo*: Đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-VKSND Q. Ninh Kiều;
- UBND xã Vĩnh Hòa Hưng Nam;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lai Ngọc Trí